TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **04**/2021/HNGĐ-ST Ngày: 27-01-2021. V/v**:** "Ly hôn và quyền nuôi con chung giữa bà D và ông D".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Vàng Huy Lập.

2.Ông Mai Phú.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 578/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2020. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020 /QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D. Địa chỉ: lô B, chung cư M, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Việt D. Địa chỉ: lô B, chung cư M, phường H, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụmg nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và trình bày: Bà và ông Nguyễn Việt D, đăng ký kết hôn năm 2012, tại UBND phường C thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn sống tại nhà cha mẹ chồng tại 8B đường T, phường C, thành phố Đ. Đến năm 2017, do cha mẹ chồng bán nhà nên vợ chồng chuyển về sống tại nhà cha mẹ bà ở một thời gian thì chuyển đến sống tại Chung cư M, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do ông D không có trách nhiệm với gia đình, ham vui ở ngoài, bà nhiều lần cho cơ hội để vợ chồng hàn gắn cùng có trách nhiệm lo cho con nhưng

ông D vẫn chứng nào tật nấy, không bỏ được thú vui bên ngoài. Hiện vợ chồng sống ly thân. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, không còn hạnh phúc, nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông D để ổn định nuôi con.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có với nhau 02 người con tên là Nguyễn Việt A, sinh 08/10/ 2014 và Nguyễn Ngọc Tú A, sinh 14/4/2017. Ly hôn bà yêu cầu giải quyết cho bà nuôi hai con. Nếu con ở với bà, bà yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung; Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Việt D trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ D, đăng ký kết hôn năm 2012, tại UBND phường C thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn sống tại nhà cha mẹ ông tại 8B đường T, phường C, thành phố Đ. Đến năm 2017, do cha mẹ bán nhà nên vợ chồng chuyển về sống tại chung cư M, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cho đến nay. Cuộc sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng không có sự hòa hợp trong cách sống, một phần do ông, ham chơi ở ngoài, không có trách nhiệm với vợ con. Nay bà D xin ly hôn, ông đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết dứt điểm.

Về con chung: Có 02 người con tên là Nguyễn Việt A, sinh 08/10/ 2014 và Nguyễn Ngọc Tú A, sinh 14/4/2017. Ly hôn ông đồng ý giao con cho bà D nuôi và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho hai con.

Về tài sản chung và nợ chung; Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và quyền nuôi con và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Nguyễn Việt D cấp dưỡng nuôi con, do ông D chưa có việc làm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, của những người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ D, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt D. Về con chung: Giao con chung tên 02 người con tên là Nguyễn Việt A, sinh 08/10/2014 và Nguyễn Ngọc Tú A, sinh 14/4/2017 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con bà Nguyễn Thị Mỹ D không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Việt D có đia chỉ tại lô B, chung cư Mê Linh, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh

Lâm Đồng, nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: ông Nguyễn Việt Dũng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt D đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND Phường c, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, nên quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn nên về sống chung có những bất đồng không giải quyết được, bên cạnh đó ông D không có trách nhiệm với vợ con. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử động viên bà Nguyễn Thị Mỹ D rút đơn về đoàn tụ gia đình nhưng bà vẫn kiên quyết ly hôn vì không còn tình cảm với ông Nguyễn Việt D và do ông D nợ nần, nên nhiều người đến đòi nợ, ảnh hưởng đến con cái. Ông Nguyễn Việt D cũng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và xin vắng mặt là thể hiện thái độ không còn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Với thực chất của quan hệ hôn nhân trên mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã trầm trọng, có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt D là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt D cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt D.

[4] Về con chung: Giữa bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt Dcó 02 người con tên là Nguyễn Việt Anh, sinh 08/10/ 2014 và Nguyễn Ngọc Tú A, sinh 14/4/2017. Ly hôn bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Việt D đồng ý để bà D trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy giao con cho bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, không yêu cầu ông Dcấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[6] Về tài sản chung và về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt D.

2- Về quyền nuôi con: Giao 02 con tên là Nguyễn Việt A, sinh 08/10/ 2014 và Nguyễn Ngọc Tú Anh, sinh 14/4/2017 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003114 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt) bà D đã nộp đủ.

4- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Việt D vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đ;
- UBND phường c.Tp.Đ.
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Đoàn Thị Tuyết Nga